

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T
TỈNH B**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 123/2018/HS-ST
Ngày 16-10-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Trí.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang Xệt;

Ông Bùi Duy Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Lài, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh B tham gia phiên tòa: Ông Phan Tấn Thành, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 119/2018/TLST-HS ngày 29 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2018/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo:

Trần Quốc B, sinh ngày 22-02-2000; nơi sinh: T; thường trú: Ấp C, xã H, thị xã D, tỉnh T; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị D; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- Bị hại: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1992; nơi cư trú: Khu phố P, phường T, thị xã T, tỉnh B; vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Bà Lâm Thị S, sinh năm 1967; vắng mặt.
2. Bà Tống Thị N, sinh năm 1965; vắng mặt.
3. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1996; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Quốc B tạm trú ở nhà trọ của bà Tống Thị N tại khu phố K, phường T, thị xã T, tỉnh B. Khoảng 14 giờ ngày 01-12-2017, B đi bộ từ phòng trọ ra để đi chơi, khi ra đến cổng khu nhà trọ, B nhìn thấy chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Novo, biển số 61Z1-0229 của ông Nguyễn Văn Khanh đang để trước cửa nhà của bà Nghi, trên xe cắm sẵn chìa khóa nên nảy sinh ý định chiếm đoạt đem đi cầm cố lấy tiền tiêu xài. Quan sát xung quanh thấy không có ai, B mở khóa rồi điều khiển xe đi đến phòng trọ của chị họ là bà Nguyễn Thị P thuộc khu phố H, phường T, thị xã T, tỉnh B với mục đích gửi xe vì chưa tìm được nơi tiêu thụ. Khi đến nơi, bà P không có ở phòng trọ nên B để xe ở lối đi vào phòng trọ rồi sang nhà người dựng là ông Nguyễn Văn T ở gần đó chơi. Đến khoảng 19 giờ, B gọi điện cho anh họ là ông Nguyễn Văn D đến nhà ông T để chơi và uống bia với một số người khác. Đến khoảng 20 giờ 40, ông D dùng xe 61F7- 9067 chở B về phòng trọ của mình tại khu phố P, phường T, thị xã T, tỉnh B ngủ. Đến khoảng 09 giờ ngày 02-12-2018, B gọi điện cho bà P nhờ bà P mang xe 61Z1-0229 vào phòng nhưng bà P không cất dùm B. Chiếc xe này sau đó được ông Nguyễn Thành H là quản lý dãy trọ thấy không có ai trông coi nên mang giao cho Công an phường T, thị xã T, sau đó giao lại cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã T.

Sau khi bị mất xe ông K đã nói sự việc trên cho bà N biết, bà N gọi điện hỏi thì B thừa nhận đã lấy chiếc xe của ông K nên đã trình báo sự việc đến Công an phường T. Công an phường T mời B đến làm việc, B khai nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt chiếc xe 61Z1-0229.

Tại bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 19/KLTS – TTHS ngày 30/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thị xã T kết luận: xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo, biển số 61Z1-0229, màu đỏ đã qua sử dụng tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 10.000.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo, biển số 61Z1-0229 do bà Phạm Thị N đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký xe, bà N đã bán nhưng chưa làm thủ tục chuyển quyền sở hữu theo quy định. Ông Lương Tuấn V mua lại xe này của người khác vào khoảng năm 2015. Ngày 01-12-2017, ông Vũ cho ông Khanh mượn để đi sửa điện cho bà Tống Thị N thì bị mất. Ngày 24-5-2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã T đã trả lại xe cho ông V, bà N, ông V và ông K không có yêu cầu gì nên không xem xét.

Bản Cáo trạng số 117/CT-VKSTU ngày 23-8-2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh B đã truy tố bị cáo Trần Quốc B về tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, Đại diện viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung cáo trạng và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 91, 101 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Trần Quốc B mức hình phạt từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Trong phần trình bày lời nói sau cùng, bị cáo đã nhận thấy hành vi của mình là sai trái, ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã T, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo trình bày: Khoảng 14 giờ chiều ngày 01-12-2017 khi từ phòng trọ đi ra cổng bị cáo thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo, biển số 61Z1-0229, màu đỏ không có người trông coi, trên xe có cắm chìa khóa nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Bị cáo lấy xe chạy đến phòng trọ của người chị họ tên Nguyễn Thị P tại khu phố Hòa Lâm 2, phường T, thị xã T để gửi nhưng bà P không có nhà nên bị cáo để xe ở lối đi của dãy trọ rồi đi chơi. Khi bà Tống Thị N là chủ nhà trọ của bị cáo gọi điện hỏi thì B thừa nhận toàn bộ sự việc lấy trộm tài sản. Giá trị tài sản tại thời điểm bị chiếm đoạt là 10.000.000 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật B vệ. Bị cáo nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật và sẽ bị xử lý nhưng vì động cơ tham lam, tư lợi, muốn có được tài sản mà không phải qua lao động nên đã cố ý phạm tội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Theo bản kết luận giám định pháp y về độ tuổi số 255/ĐT/2018 ngày 04-4-2018 của Trung tâm Pháp y thuộc Sở y tế tỉnh Đồng Nai kết luận về độ tuổi của bị cáo tại thời điểm giám định (ngày 04-4-2018) là 18 tuổi 06 tháng (+/- 06 tháng). Do đó, tại thời điểm phạm tội (ngày 01-12-2017) bị cáo chưa đủ 18 tuổi. Căn cứ vào các quy định tại Điều 91 và Điều 101 Bộ luật hình sự để xử lý bị cáo theo quy định pháp luật về người chưa thành niên.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi trả cho bị hại nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[7] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T đề nghị xử phạt bị cáo Trần Quốc B như nêu trên là quá cao, chưa phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và độ tuổi của bị cáo nên cần xử mức án nhẹ hơn.

[8] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Quốc B phạm tội trộm cắp tài sản.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trần Quốc B 04 (Bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Trần Quốc B phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B
- Sở Tư pháp tỉnh B;
- VKSND thị xã T;
- Chi cục THA thị xã T;
- Công an thị xã T;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Trí